

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH KHÁNH HÒA
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thái Bình

2. Ông Võ Thành Nhân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảo Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 286/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lê Thị Mỹ T - sinh năm 1987; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 14, Ngọc T, phường N, thành phố N, Khánh Hòa.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thái H - sinh năm 1986; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Diên L, huyện D, Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/10/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1986 tự nguyện yêu thương, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Diên L vào năm 2020. Trong cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, kinh cãi do bất đồng quan điểm sống. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống cùng nhà với cha mẹ chồng tại thôn Th, xã Diên L. Năm 2021, bà T sinh con thì giữa bà và mẹ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng trong việc chăm sóc cháu, mẹ chồng thường xuyên chửi rủa và chì chiết bà. Ông H không chia sẻ cùng vợ mà còn nghe lời mẹ nên mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà T bị trầm cảm và loạn thần sau sinh, gia đình bà đưa bà về điều trị và chăm sóc. Sau sáu tháng điều trị tại bệnh viện chuyên khoa tâm thần thì bệnh tình thuyên giảm, rất nhiều lần bà liên lạc với chồng để hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà T và ông H đã ly thân từ tháng 9/2021 cho đến nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, để ổn

định cuộc sống cho cả hai nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H. Về con chung: Bà T và ông H có một con chung là Nguyễn Thụy Ánh H - sinh ngày 03/8/2021, hiện cháu đang sống cùng với ông H. Bà T có nguyện vọng giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà và ông H không có tài sản chung và nợ chung.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 16/12/2022, ông Nguyễn Thái Huy trình bày: Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn ông thống nhất như lời trình bày của bà T. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có xảy ra mâu thuẫn, nay đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn dù đã cố gắng. Bà T yêu cầu giải quyết ly hôn, ông H đồng ý; về con chung: Ông H và bà T có một con chung như bà T trình bày là đúng. Ông H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng ý để bà T cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng; về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Ngày 17/12/2022, ông H có đơn thay đổi ý kiến hòa giải. Ông H trình bày lý do không đồng ý ly hôn vì theo giáo luật Công giáo không cho phép. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn theo yêu cầu của bà T, ông xin nuôi con chung, không nhận tiền chu cấp hoặc vật chu cấp nào của bà T vì ông đủ khả năng nuôi con.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện D: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T. Cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Thái H; về con chung: Giao cho ông H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thụy Ánh H - sinh ngày 03/8/2021. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T; về tài sản chung: Bà T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có; về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Thái H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thái H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 16/4/2020 và được Ủy ban nhân dân xã Diên Lấp cấp giấy chứng nhận kết hôn số 14, đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Thái H vì cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà không còn tình

cảm với ông H, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Bị đơn ông Nguyễn Thái H xác định trong cuộc sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn và đồng ý ly hôn với bà T nhưng không ký đơn ly hôn vì theo giáo luật Công giáo không cho phép. Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở để xác định tình cảm giữa bà T và ông H thực sự không còn, quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H là phù hợp.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thái H có một con chung là Nguyễn Thụy Ánh H - sinh ngày 03/8/2021. Xét thấy con chung đang sống cùng với ông H, bà T xác nhận con chung được ông H nuôi dưỡng, chăm sóc trong điều kiện tốt và bà T có nguyện vọng giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử giao cho ông H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thụy Ánh H là phù hợp. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà T.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Mỹ T xác định không có nợ chung.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Mỹ T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ T được ly hôn với ông Nguyễn Thái H.

- Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thái H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Nguyễn Thụy Ánh H - sinh ngày 03/8/2021. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Lê Thị Mỹ T.

Bà Lê Thị Mỹ T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, bà Lê Thị Mỹ T và ông Nguyễn Thái H đều có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0008053 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D. Như vậy, bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Diên L
- (Nơi đăng ký kết hôn);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Bùi Thị Ân

